

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 697/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2025 và Kế hoạch số 3070/KH-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND;
- Lưu: VT, NC, KGVX, PVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 697/QĐ-UBND
ngày 14/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục phương châm: lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Kế thừa những kết quả đạt được và tiếp tục triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai trước đây, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, tăng tốc hoàn thành các nhiệm vụ trên các lĩnh vực cải cách hành chính làm tiền đề cho việc đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Gia Lai, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025.

2. Yêu cầu

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thể hiện trách nhiệm nêu gương, vai trò dẫn dắt, năng động, sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 với tinh thần **“làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bút phá”** và **“5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”**.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số, tập trung vào chính quyền số, cung cấp dịch vụ công đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, thống nhất nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Nâng cao đạo đức công vụ, kỷ luật hành chính; tập trung thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tiếp tục tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn với đào tạo kỹ năng số cho người dân, tăng cường đáp ứng khả năng sử dụng dịch vụ công.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo liên thông, đồng bộ, thống nhất thực hiện hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan Nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị với phương châm “*Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*”; xây dựng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tiếp tục phấn đấu cải thiện kết quả, nâng cao vị trí xếp hạng các Chỉ số (PAPI, SIPAS, PAR INDEX, PCI), Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh.

- 100% cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã được đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính (trừ những đơn vị không có thủ tục hành chính, có thủ tục hành chính nhưng thực hiện theo quy trình mật, không có phát sinh hoặc có phát sinh giao dịch thủ tục hành chính ít không đủ để lựa chọn cỡ mẫu điều tra).

b) Cải cách thể chế:

- 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn và quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc thực hiện.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được rà soát, kiến nghị, xử lý đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

c) Cải cách thủ tục hành chính:

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai; thực hiện đơn giản hóa 20% thủ tục hành chính nội bộ.

- 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh hồ sơ trực tuyến. Phấn đấu tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 70%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 60%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính do các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 98% trở lên; tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn 100%.

d) Cải cách tổ chức bộ máy:

- Sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính; tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Tiếp tục thực hiện giảm biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo lộ trình; phân đầu đến năm 2026 giảm 5% biên chế công chức, 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

đ) Cải cách chế độ công vụ:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong trình hình mới.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

e) Cải cách tài chính công:

- 100% các cơ quan, đơn vị sự trong tỉnh ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định.

- Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách.

g) Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- 100% Số dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức; Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hình thành Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(Các chỉ tiêu/chỉ tiêu thành phần cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo quản lý của Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính; kiểm tra công tác cải cách hành chính, các nội dung, nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp để cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAPI, Chỉ số PCI, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS của tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi, đánh giá, công khai kết quả chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương.

d) Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành; tăng cường công tác đối thoại với các doanh nghiệp để nắm tình hình, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

e) Đổi mới cách thức tuyên truyền cải cách hành chính với nhiều hình thức phong phú. Đổi mới, đa dạng các phương pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đảm bảo phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, địa phương, phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Cải cách thể chế

a) Nâng cao tính chủ động, hiệu quả trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tập trung rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới phù hợp với quy định của Trung ương và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

b) Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Kịp thời công khai chính sách, quy định pháp luật của tỉnh trên các trang thông tin điện tử, đa dạng kênh thông tin, hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh bảo đảm thực chất, hiệu quả trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tập trung cắt giảm những thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý hoặc có nội dung trùng lặp trên cơ sở dữ liệu sẵn có.

b) Xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, gây phiền hà cho người dân, tổ chức; tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; thực hiện an toàn thông tin lưu trữ hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý của người dân, doanh nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện việc rà soát, tái cấu trúc quy trình, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến; tiếp tục nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đảm bảo yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Thực hiện phương án sắp xếp, tinh gọn các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức và người lao động.

b) Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, ủy quyền; gắn trách nhiệm với quyền hạn, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện phân cấp; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp, ủy quyền.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với cấp xã, kịp thời đề xuất biểu dương và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, đề tri trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

b) Triển khai các giải pháp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác đánh giá cán bộ để làm cơ sở cho việc tinh gọn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số.

c) Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

d) Thực hiện các chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài vào làm việc trong các sở ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về việc khuyến khích cán bộ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực tài chính công theo đúng quy định. Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Xây dựng phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Triển khai kịp thời các văn bản về chế độ, chính sách tài chính theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chủ động đôn đốc, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện ở các ngành, các cấp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về chế độ, chính sách tài chính và thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; duy trì, kết nối, chia sẻ dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

b) Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến theo hướng thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thực hiện số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo lộ trình đề ra.

c) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc cơ quan nhà nước cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, Chính quyền số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan; đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho người dân trên các phương tiện truyền thông.

đ) Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân.

e) Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, Hệ thống lưu trữ điện tử bảo đảm đáp ứng các quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 07/3/2020 và nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị, địa phương; triển khai quy định về lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, kết nối với hệ thống quản lý văn bản với một cửa điện tử của tỉnh, Hệ thống lưu trữ lịch sử của tỉnh để thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính theo Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/8/2023 của Bộ Nội vụ.

g) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội thanh niên tình nguyện về dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số cá nhân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ điện tử...).

(Nội dung nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Kế hoạch cần xác định cụ thể nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, sản phẩm đạt được gắn liền với quy định trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc của người đứng đầu và nhiệm vụ triển khai thực hiện của đơn vị.

b) Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ quý, 06 tháng, năm về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định.

c) Nghiêm cấm hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà người dân, doanh nghiệp; nếu có phát hiện thì phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định. Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh.

d) Kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều nỗ lực, cố gắng, đổi mới, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Không xếp loại mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với các trường hợp đã có nhắc nhở, chấn chỉnh về việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn nhưng chậm chuyển biến, tiếp tục tái phạm nhiều lần.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính; đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện thi đua khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện Kế hoạch này hàng quý, 06 tháng, năm theo quy định; trong đó lưu ý, đánh giá cụ thể tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Kế hoạch này.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua khen thưởng trong năm 2025, nhất là đối với các tập thể, cá nhân để xảy ra trường hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn.

3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ. Tập trung theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh đầy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ, ngành Trung ương quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

5. Sở Tài chính

a) Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh; đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các doanh nghiệp mới phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian tới.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính năm 2025 theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công, giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh.

8. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét, giải quyết theo quy định./.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU, CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Kết quả các chỉ số đánh giá hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh			
1.1	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index)	Trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã
1.2	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (SIPAS)	Trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Văn phòng UBND tỉnh	
1.3	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Nội vụ	
1.4	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Tài chính	
1.5	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Trong nhóm 17 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
1.6	Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp (Chỉ số 766)	Thuộc nhóm Xuất sắc (trên 90 điểm), nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã
1.7	Kiểm tra cải cách hành chính	20% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã
1.8	Đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính	100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh tế), UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã
1.9	Đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính	100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh tế), UBND các xã, phường,	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã
2	Cải cách thể chế			
2.1	Các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm	100%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
	quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định			
2.2	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định	100% nhiệm vụ hoàn thành đảm bảo tiến độ, số lượng	Sở Tư pháp	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thủ tục hành chính nội bộ được công bố, đơn giản hóa.	Công bố 100% TTHC nội bộ được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương. - Tham mưu công bố 100% TTHC nội bộ được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh do cơ quan, đơn vị dự thảo và trình phê duyệt.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp xã
3.2	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn	Sở Nội vụ	UBND cấp xã

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
		theo quy định.		
6	Đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập			
6.1	Các chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025 và các năm tiếp theo	Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan liên quan
7	Chính quyền điện tử, chính quyền số			
7.1	Tỷ lệ lập hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng:		Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã
	- Các sở, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	90%	-	-
	- Ủy ban nhân dân các xã, phường	60%	-	-
7.2	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công			
	Tỷ lệ TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh hồ sơ trực tuyến	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan
	Tỷ lệ TTHC được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh giao dịch trực tuyến	100%		

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100%		
	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	100%		
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	80%		
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ trực tuyến.	80%		
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	100%		
	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	100%		
	Tỷ lệ số lượng bản sao chứng thực điện tử trên tổng số bản sao do UBND cấp xã chứng thực.	100%		
	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	80%		
	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	100%		
	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100%		
	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	95%		
7.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện bằng	100%	Văn phòng UBND	Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
	dịch vụ công trực tuyến		tỉnh	các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Triển khai nhiệm vụ theo Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW	- UBND tỉnh chỉ đạo việc áp dụng, xử lý nghị quyết, quyết định của HĐND, UBND tỉnh Bình Định (cũ) và Gia Lai (cũ) đang còn hiệu lực. - UBND tỉnh ban hành văn bản đẩy mạnh quán triệt thực hiện nghiêm, kỷ cương, kỷ luật Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. - Xây dựng, ban hành kế hoạch truyền thông về Công pháp luật quốc gia nhằm giúp người dân, doanh nghiệp thuận lợi trong tra cứu thông tin pháp luật và tình huống pháp lý cụ	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 7, Tháng 8

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		thể. - Triển khai thực hiện hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.			
2	Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	- Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành; - Cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; - Các thông báo, kết luận kiểm tra và các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện (nếu có)	Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư pháp	Thường xuyên
3	Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 12
4	Kịp thời công khai các chính sách, quy định pháp luật của tỉnh trên các trang thông tin điện tử, đa dạng kênh thông tin, hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phân biện và	Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 12

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	giám sát thi hành pháp luật				
II	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
5	Triển khai mô hình “Ưu tiên phục vụ tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đối với các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh”.	Quyết định phê duyệt kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8
6	Ban hành Bộ quy tắc ứng xử của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Quyết định phê duyệt danh mục	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 9
7	Rà soát, công bố lại TTHC nội bộ phù hợp với tỉnh Gia Lai (mới), thực hiện phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026	- Quyết định công bố TTHC nội bộ - Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTC nội bộ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	- Tháng 9 - Tháng 10

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Nghiên cứu, đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Kế hoạch/Văn bản	Văn phòng UBND tỉnh	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 9
9	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành “Hệ thống quản lý dữ liệu thủ tục hành chính”	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 11
10	Sửa đổi Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các cơ quan liên quan	Tháng 10
III	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
11	Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã	Đề án của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Tháng 8-12
12	Hướng dẫn, triển khai xây dựng vị trí việc làm công chức cấp xã, phường theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.	Kế hoạch/Văn bản	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Bộ, ngành TW

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Đánh giá, xếp loại cơ quan hành chính	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ
14	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và xã; đồng thời thực hiện phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC	Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Cả năm
15	Sắp xếp các tổ chức, phối hợp liên ngành, các hội quần chúng của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 8
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC				
16	Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực



TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
17	Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 gắn với triển khai thực hiện công cụ “Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức” trong thực thi công vụ, nhất là đối với cán bộ, công chức cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 7
18	Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 9
19	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm
20	Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
21	Xây dựng phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) năm 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Quyết định giao quyền tự chủ của UBND tỉnh cho các đơn vị	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Sở Tài chính	Trong Quý IV
22	Ban hành chính sách thu phí “0 đồng” đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2025.	Nghị quyết HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 7
23	Rà soát, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá các dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương	Quyết định UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Sở Tài chính	Cả năm



TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VI	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
24	Triển khai nền tảng “Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh” (Kho dữ liệu số thông minh) theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	- Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh. (232/QĐ-UBND, ngày 17/1/2025) - Triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ Sở	Các sở, ban, ngành, địa phương	Theo tiến độ của Kế hoạch
25	Triển khai hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 2 cấp	Đưa vào sử dụng hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 2 cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8
26	Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 01/6/2025	- Kế hoạch của UBND tỉnh (103/KH-UBND ngày 01/6/2025) - Các CSDL chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Theo tiến độ của Kế hoạch
27	Xây dựng Kho lưu trữ số của tỉnh	Đề án của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV
28	Tiếp tục thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp	Kế hoạch của UBND tỉnh và tài liệu được số hóa	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thực hiện theo Kế hoạch của UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VII	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
29	Xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ
30	Sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8
31	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8
32	Triển khai Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Đưa vào sử dụng Hệ thống đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 10
33	Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2025-2030	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Tháng 12

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
34	Kế hoạch cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Quản trị và Hành chính công (PAPI) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi TW công bố kết quả các Chỉ số